

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Đào Thị Thu Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Phước Lợi – kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 484/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 458/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà L Th T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có yêu cầu vắng mặt);

- ***Bị đơn:*** Ông Trần T T1, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà L Th T trình bày:

Bà L Th T và ông Trần T T1 do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 1987, sau đó đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ Luông. Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, ông T1 thường xuyên bạo hành gia đình, nên giữa bà T và ông T1 không sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Bà

T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tuấn Nam, sinh ngày 06/10/1988 và Trần Tuấn Thanh, sinh ngày 03/10/1989, các con chung đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần T T1 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông T1 đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L Th T đối với ông Trần T T1.

- Về con chung: có 02 con chung Trần Tuấn Nam, sinh ngày 06/10/1988 và Trần Tuấn Thanh, sinh ngày 03/10/1989, các con chung đều đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà L Th T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần T T1 nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần T T1 với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trần T T1 không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T1 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần T T1.

Bà L Th T có đơn xin xét xử vắng mặt, với lý do: hiện nay do bà đi làm thuê ở xa nên đi lại khó khăn, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L Th T.

## [2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L Th T và ông Trần T T1 là tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, ông T1 thường xuyên bạo hành gia đình nên giữa bà T và ông T1 không sống chung từ năm 2013 cho đến nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T có yêu cầu được ly hôn ông T1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Tuấn Nam, sinh ngày 06/10/1988, Trần Tuấn Thanh, sinh ngày 03/10/1989 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà L Th T được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L Th T, bà L Th T được ly hôn với ông Trần T T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93/2011, ngày 22 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà L Th T và ông Trần T T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tuấn Nam, sinh ngày 06/10/1988, Trần Tuấn Thanh, sinh ngày 03/10/1989 hiện đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà L Th T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004856, ngày 07/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Diệu**